TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 741/2026/DS-PT
Ngày 16-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2026/TLPT-DS ngày 08/01/2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1900/2026/QĐ-PT ngày 24/3/2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5027/2026/QĐ-PT ngày 09/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1980; CCCD số: 075080014306 cấp ngày 08/3/2022; địa chỉ: Căn hộ F, Block F, Chung cư B, đường số A, khu dân cư H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1984; CCCD số: 074184007846 cấp ngày 22/10/2024; địa chỉ: số A, đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số D, đại lộ B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Ông Huỳnh Thanh S và bà Nguyễn Thị Thu T có mối quan hệ vay mượn tiền với nhau khoảng năm 2018 đến năm 2023, bà T vay ông S nhiều lần với nhiều số tiền khác nhau, có số nợ thì làm giấy vay tiền, có số nợ thỏa thuận bằng lời nói, toàn bộ số tiền ông S cho vay đều thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông S số 1005002413 được mở tại Ngân hàng TMCP S1. Lãi suất: Mỗi số tiền vay hai bên thỏa thuận bằng lời nói mức lãi khác nhau, khi thỏa thuận lãi 2%, khi thì thỏa thuận 2,5%/tháng, khi thỏa thuận lãi 3%/tháng. Thời hạn vay không thỏa thuận, khi nào ông S cần lấy lại tiền gốc thì phải báo trước cho cho bà T. Khi vay, bà T không thế chấp gì. Quá trình vay, bà T trả tiền lãi cho ông S đầy đủ, nhưng đến ngày 23/10/2023 không còn trả nữa nên giữa mặc dù bà T còn nợ số tiền khoảng gần 2 tỷ đồng nhưng bà T xác định chỉ còn nợ 1.650.000.0000đ, vì hai bên làm ăn chung với nhau đã lâu nên ông S thống nhất số tiền bà T đang nợ ông S số tiền 1.650.000.0000đ, nhưng bà T tự ghi giấy mượn tiền đề ngày 16/12/2021 rồi chụp gửi vào Zalo cho ông S. Khi được bà T chụp gửi, ông S thống nhất về số tiền nhưng không thống nhất về thời gian nên đã yêu cầu bà T viết lại cho đúng thời gian là ngày 23/10/2023 nhưng bà T không viết lại mà cũng không trả cho ông S số tiền 1.650.000.0000đ nên buộc ông S khởi kiện buộc bà T trả cho ông S số tiền 1.650.000.0000đ. Không yêu cầu trả lãi suất. Theo đơn khởi kiện, ông S yêu cầu bà T trả tổng số tiền 1.650.000.0000đ của các ngày vay, cụ thể:

+ Ngày 16/12/2021 là 400.000.000đ

+ Ngày 12/8/2022 là 450.000.000đ

+ Ngày 09/12/2022 là 400.000.000đ

+ Ngày 27/12/2022 là 400.000.000đ

Tuy nhiên, vì để hai bên giải quyết nhanh chóng nên ông S chỉ ghi 04 số ngày trên nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà T xác đinh đã trả hết tiền cho ông S nên ông S liệt kê cụ thể số tiền ông đã cho bà T vay, số tiền gốc và lãi bà T đã trả, cũng như số tiền bà T đang còn nợ từ năm 2018 đến năm 2023 như sau:

NĂM 2018

Ngày mượn	Số tiền mượn	Ngày trả	Số tiền trả gốc	Lãi
01/05/2018	100.000.000	02/05/2018	50.000.000	
04/09/2018	400.000.000	02/05/2018	20.000.000	5.270.000
20/06/2018	30.000.000	03/07/2018	30.000.000	3.600.000
24/07/2018	50.000.000	9/3/1028		340.000
28/08/2018	350.000.000	13/04/2018	400.000.000	7.900.000

09/12/2018	15.000.000	07/09/2018	30.000.000	2.400.000
10/08/2018	3.000.000	24/8/2018		1.800.000
10/10/2018	200.000.000	13/09/2018	15.000.000	200.000
15/10/2018	15.000.000	25/09/2018	50.000.000	1.500.000
11/01/2018	120.000.000	28/09/2018		8.750.000
11/01/2018	180.000.000	10/09/2018	3.000.000	
26/11/2018	50.000.000	16/10/2018	350.000.000	6.350.000
19/12/2018	5.000.000	31/10/2018	15.000.000	500.000
		11/01/2018	180.000.000	
		12/01/2018		7.500.000
Tổng	**1.518.000.000**		**1.143.000.000**	**46.110.000**

NĂM 2019

Ngày mượn	**Số tiền mượn**	**Ngày trả**	**Số tiền trả gốc**	**Lãi**
24/1/2019	20.000.000	01/01/2019		9.000.000
30/1/2019	5.000.000			170.000
18/2/2019	300.000.000	30/01/2019	20.000.000	750.000
21/02/2019	100.000.000	02/01/2019	300.000.000	9.000.000
17/05/2019	20.000.000	26/02/2019		1.500.000
07/12/2019	30.000.000	03/09/2019		200.000
23/10/2019	10.000.000	18/03/2019		9.800.000
28/12/2019	100.000.000	26/03/2019		1.500.000
		17/04/2019		10.000.000
		26/04/2019		1.500.000
		05/02/2019		600.000
		17/05/2019		145.000
		20/05/2019		10.000.000

		27/05/2019		1.500.000
		20/06/2019		10.000.000
		26/06/2019		1.500.000
		22/07/2019		10.000.000
		26/07/2019		1.500.000
		08/12/2019		1.200.000
		20/08/2019		10.000.000
		26/08/2019		1.500.000
		09/12/2019		900.000
		26/09/2019		1.500.000
		30/09/2019		10.000.000
		10/12/2019		700.000
		18/10/2019	375.000.000	16.080.000
		23/10/2019	10.000.000	
		18/11/2019		3.400.000
		18/12/2019		2.900.000
Tổng	**585.000.000**		**705.000.000**	**126.845.000**

NĂM 2020

Ngày mượn	Số tiền mượn	Ngày trả	Số tiền trả gốc	Lãi
01/02/2020	350.000.000	01/11/2020		1.250.000
17/1/2020	2.100.000	02/03/2020		8.750.000
05/12/2020	50.000.000	13/02/2020		2.500.000
22/7/2020	150.000.000	18/02/2020		2.500.000

25/08/2020	200.000.000	03/02/2020		8.750.000
16/10/2020	30.000.000	14/03/2020		2.500.000
		18/03/2020		2.500.000
		04/01/2020		8.750.000
		13/04/2020		2.500.000
		18/04/2020		2.500.000
		05/04/2020		8.750.000
		13/05/2020		2.500.000
		18/05/2020		2.500.000
		06/01/2020		8.750.000
		15/06/2020		3.750.000
		18/06/2020		2.500.000
		07/02/2020		8.750.000
		13/07/2020		2.500.000
		18/07/2020		2.500.000
		20/07/2020		1.250.000
		08/03/2020		8.750.000
		08/04/2020	100.000.000	1.250.000
		13/08/2020		3.750.000
		18/08/2020		2.500.000
		22/08/2020	50.000.000	1.250.000
		09/03/2020		8.750.000
		09/07/2020		4.150.000
		14/09/2020		3.750.000
		18/09/2020		2.500.000
		28/09/2020		5.000.000
		10/02/2020		8.750.000
		13/10/2020		3.750.000
		19/10/2020		2.500.000

		26/10/2020		5.000.000
		11/02/2020		8.750.000
		13/11/2020		3.750.000
		18/11/2020		3.650.000
		26/11/2020		5.000.000
		12/02/2020		8.750.000
		14/12/2020		3.750.000
		18/12/2020		2.500.000
		26/12/2020		5.000.000
		26/12/2020	30.000.000	900.000
Tổng	**782.100.000**		**180.000.000**	**189.950.000**

NĂM 2021

Ngày mượn	**Số tiền mượn**	**Ngày trả**	**Số tiền trả gốc**	**Lãi**
02/01/2021	30.000.000	01/04/2021		8.750.000
03/08/2021	20.000.000	13/01/2021		3.750.000
16/3/2021	100.000.000	18/01/2021		2.500.000
25/3/2021	100.000.000	26/01/2021		5.000.000
04/05/2021	250.000.000	02/02/2021		8.750.000
16/4/2021	200.000.000	18/02/2021		6.250.000
26/4/2021	250.000.000	26/02/2021		5.000.000
14/05/2021	100.000.000	03/01/2021		750.000
15/06/2021	20.000.000	03/02/2021		8.750.000
18/10/2021	20.000.000	17/03/2021	100.000.000	900.000
16/12/2021	400.000.000	18/03/2021		2.500.000
		26/03/2021		5.000.000

		04/01/2021		1.150.000
		04/02/2021	100.000.000	2.400.000
		04/02/2021	50.000.000	8.750.000
		13/04/2021		3.750.000
		13/04/2021	250.000.000	
		13/04/2021		6.000.000
		18/04/2021		2.500.000
		23/04/2021	200.000.000	4.000.000
		26/04/2021		5.000.000
		05/02/2021		7.500.000
		05/02/2021	30.000.000	1.250.000
		13/05/2021		3.750.000
		18/05/2021		2.500.000
		21/05/2021		16.125.000
		26/05/2021		5.000.000
		06/01/2021	20.000.000	500.000
		06/03/2021		7.500.000
		06/04/2021		10.500.000
		13/06/2021		3.750.000
		18/6/2021		13.000.000
		26/06/2021		5.000.000
		07/02/2021		10.500.000
		07/02/2021		7.500.000
		13/07/2021		3.750.000
		16/7/2021		10.500.000
		18/7/2021		2.500.000
		26/7/2021		5.000.000
		30/7/2021	50.000.000	10.500.000
		13/08/2021		3.750.000

		13/08/2021		7.500.000
		13/08/2021		9.000.000
		15/08/2021	20.000.000	1.000.000
		18/08/2021		2.500.000
		26/08/2021		5.000.000
		28/08/2021		9.000.000
		09/02/2021		7.500.000
		13/9/2021		3.750.000
		18/9/2021		2.500.000
		28/9/2021		12.500.000
		10/02/2021		7.500.000
		13/10/2021		3.750.000
		18/10/2021		2.500.000
		26/10/2021		5.150.000
		28/10/2021		7.500.000
		11/01/2021		1.950.000
		11/03/2021		7.500.000
		11/04/2021		450.000
		13/11/2021		3.750.000
		15/11/2021	800.000.000	11.000.000
		18/12/2021		2.500.000
Tổng cộng	**1.490.000.000**		**1.620.000.000**	**335.625.000**

NĂM 2022

Ngày mượn	**Số tiền mượn**	**Ngày trả**	**Số tiền trả gốc**	**Lãi**
03/09/2022	250.000.000	13/01/2022		3.750.000
15/06/2022	500.000.000	17/1/2022		10.000.000

08/12/2022	450.000.000	18/1/2022		2.500.000
25/11/2022	350.000.000	13/02/2022		3.750.000
12/09/2022	400.000.000	16/2/2022		10.000.000
27/12/2022	400.000.000	18/02/2022		2.500.000
		13/03/2022		3.750.000
		16/03/2022		10.000.000
		18/03/2022		2.500.000
		25/3/2022		10.625.000
		04/08/2022		8.750.000
		13/04/2022		3.750.000
		16/4/2022		10.000.000
		18/04/2022		2.500.000
		05/08/2022		6.250.000
		14/05/2022		3.750.000
		16/5/2022		10.000.000
		18/5/2022		2.500.000
		06/08/2022		6.250.000
		15/6/2022		3.750.000
		16/6/2022		10.000.000
		18/06/2022		2.500.000
		07/08/2022		6.250.000
		13/07/2022		3.750.000
		15/07/2022	200.000.000	15.000.000
		17/07/2022		10.000.000
		18/07/2022		2.500.000
		08/04/2022	150.000.000	3.000.000
		08/08/2022		6.250.000
		15/08/2022	150.000.000	4.500.000
		15/08/2022		3.750.000

		16/08/2022		10.000.000
		18/08/2022		2.500.000
		19/08/2022		6.750.000
		31/08/2022		11.250.000
		09/08/2022		6.250.000
		13/9/2022		3.750.000
		16/9/2022		10.000.000
		16/9/2022		15.750.000
		18/9/2022		2.500.000
		10/08/2022		6.250.000
		13/10/2022		3.750.000
		17/10/2022		10.000.000
		17/10/2022		13.500.000
		18/10/2022		2.500.000
		11/08/2022		6.250.000
		15/11/2022		3.750.000
		17/11/2022		23.500.000
		18/11/2022		2.500.000
		12/08/2022		6.250.000
		12/09/2022	350.000.000	12.225.000
		13/12/2022		3.750.000
		16/12/2022		10.000.000
		16/12/2022		13.500.000
		19/12/2022		2.500.000
		26/12/2022	400.000.000	17.000.000
Tổng cộng	**2.350.000.000**		**1.250.000.000**	**390.350.000**

NĂM 2023

Ngày mượn	Số tiền mượn	Ngày trả	Số tiền trả gốc	Lãi
28/4/2023	200.000.000	01/09/2023		6.250.000
05/08/2023	250.000.000	13/1/2023		3.750.000
14/7/2023	200.000.000	16/01/2023		13.500.000
10/06/2023	600.000.000	16/01/2023		10.000.000
		18/01/2023		2.500.000
		29/01/2023		12.000.000
		02/08/2023		6.250.000
		13/2/2023		3.750.000
		16/2/2023		10.000.000
		17/2/2023		13.500.000
		18/2/2023		2.500.000
		27/02/2023		12.000.000
		03/08/2023		6.250.000
		13/3/2023		3.750.000
		17/3/2023		10.000.000
		17/3/2023		13.500.000
		18/3/2023		2.500.000
		27/3/2023		12.000.000
		04/08/2023		6.250.000
		13/4/2023		3.750.000
		18/4/2023		10.000.000
		18/4/2023		13.500.000
		19/4/2023		2.500.000
		27/4/2023		12.000.000
		05/04/2023	200.000.000	3.500.000
		05/08/2023		6.250.000
		13/5/2023		3.750.000

		16/5/2023		10.000.000
		16/5/2023		13.500.000
		18/5/2023	100.000.000	2.500.000
		27/05/2023		12.000.000
		06/02/2023		15.625.000
		06/08/2023		6.250.000
		14/6/2023		3.750.000
		15/6/2023		10.000.000
		16/6/2023		13.500.000
		27/6/2023		12.000.000
		07/01/2023		18.125.000
		07/08/2023		6.250.000
		13/7/2023		3.750.000
		17/7/2023		10.000.000
		17/7/2023		13.500.000
		27/7/2023		12.000.000
		29/7/2023		24.500.000
		08/08/2023		6.250.000
		13/8/2023		3.750.000
		16/8/2023		10.000.000
		16/8/2023		13.500.000
		28/8/2023		12.000.000
		31/8/2023		33.750.000
		09/08/2023		6.250.000
		13/9/2023		3.750.000
		16/9/2023		10.000.000
		16/9/2023		13.500.000
		28/9/2023		12.000.000
		10/03/2023		39.375.000

		10/03/2023	450.000.000	
		10/09/2013		6.250.000
		13/10/2013		3.750.000
		17/10/2023		10.000.000
		17/10/2023		13.500.000
		12/01/2023		3.000.000
Tổng cộng	**1.250.000.000**		**750.000.000**	**593.375.000**

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:*** Giữa ông S và bà T có mối quan hệ vay mượn tiền với nhau khoảng năm 2018 đến ngày 10/2023. Bà T vay ông S nhiều lần với nhiều số tiền khác nhau, toàn bộ số tiền vay đều được thông qua hình thức chuyển khoản, số tiền cụ thể bà không nhớ và hai bên không làm giấy vay tiền gì, đến ngày 16/12/ 2021 thì mới làm Giấy vay tiền với số tiền 1.650.000.000đ, nhưng số tiền này không phải là số tiền vay trước đó cũng không phải số tiền vay ngày 16/12/2021 mà sau khi bà T ký tên vào Giấy Vay tiền xong thì ông S mới chuyển vào số tài khoản của bà T, cụ thể như sau:

+ Ngày 16/12/2021 chuyển 400.000.000đ

+ Ngày 12/8/2022 chuyển 450.000.000đ

+ Ngày 09/12/2022 chuyển 400.000.000đ

+ Ngày 27/12/2022 chuyển 400.000.000đ

Lãi suất: Hai bên không thỏa thuận. Thời hạn vay: Số nợ nào không viết giấy nợ thì hai bên không thỏa thuận, nếu ông S muốn trả tiền gốc thì phải báo trước cho bà T, còn Giấy vay tiền ngày 16/12/2021 có thỏa thuận thời hạn là 03 năm kể từ ngày 16/12/2021, khi vay bà T không thế chấp gì cho ông S. Nội dung của Giấy vay tiền ngày 16/12/ 2021 là do bà T viết và ký tên.

Đối với số tiền bà vay của ông S từ năm 2018 đến ngày 16/12/2021 thì bà T đã trả hết, còn số tiền 1.650.000.000đ mà hiện nay ông S đang khởi kiện bà T cũng đã trả hết cho ông S vì từ ngày 17/01/2022 đến ngày 09/01/2023 mà bà T đã dùng số tài khoản **0909710177** trả cho ông S tổng số tiền 1.612.850.000đ với nhiều số tiền khác nhau. Từ 18/12/2021 đến ngày 18/01/2023 mà bà T đã dùng số tài khoản **11000602274** chuyển cho ông S số tiền 38.750.000đ, tổng cộng hai số tài khoản bà T chuyển cho ông S số tiền là 1.651.600.000đ. Do đó, qua yêu cầu khởi kiện của ông S thì bà T không đồng ý. Hiện bà chỉ còn nợ ông S số tiền 600.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 06/10/2023 nhưng số tiền nay chưa đến hạn trả nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các - Căn cứ Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Thanh S số tiền 853.933.554đ (tám trăm năm mươi ba triệu chín trăm ba mươi ba nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh S về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trả số tiền 796.066.446đ (bảy trăm chín mươi sáu triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

3. Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Huỳnh Thanh S phải chịu số tiền 35.843.000đ (ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng) được trừ vào số tiền 30.750.000đ (ba mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001786 ngày 21/4/2025. Ông S còn phải nộp thêm số tiền 5.093.000đ (năm triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng).

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu số tiền 37.618.000đ (ba mươi bảy triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng).

Sau khi sơ thẩm xét xử, ngày 10/11/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T có

đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến ngày 08/4/2026, theo đó bà T xác định tổng số tiền còn nợ đến thời điểm hiện tại là 1.623.000.000 đồng. Do đó, tiền lãi suất sẽ được tính cụ thể như sau: 1.623.000.000 đồng x 55 tháng 16 ngày x 0.83%/tháng = 743.054.844 đồng; số tiền lãi bà T phải trả cho ông S từ ngày 01/5/2018 đến ngày 17/10/2025 là 1.632.705.000 đồng; số tiền lãi bà T đã trả cho ông S vượt quá mức lãi suất quy định là 1.632.705.000 đồng – 743.054.844 đồng = 889.650.156 đồng, được khấu trừ vào số tiền nợ gốc mà bà T phải trả cho ông S. Bà T cho rằng sau khi khấu trừ, số tiền gốc mà bà T còn phải trả cho ông S là 733.349.844 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh S có mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có văn bản trình bày về kháng cáo của bị đơn bà T như sau: Ông S đồng ý về việc Tòa án buộc bà T trả lại cho ông S số tiền 733.349.844 đồng theo như văn bản trình bày ý kiến của bà T ngày 08/4/2026.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Đồng thời, bị đơn có văn bản trình bày ý kiến và cho rằng số tiền mà bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là 733.349.844 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý với số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn như trên. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không ai ép buộc và đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/11/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, việc kháng cáo vẫn trong thời hạn quy định, đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 14/4/2026, bị đơn bà T có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà T. Do đó, căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Ông Huỳnh Thanh S và bà Nguyễn Thị Thu T có quan hệ vay mượn tiền từ năm 2018 đến năm 2023, thực hiện nhiều lần với số tiền khác nhau, chủ yếu qua hình thức chuyển khoản, lãi suất thỏa thuận miệng từ 2% đến 3%/tháng, không có tài sản bảo đảm.Ông S cho rằng tổng số tiền bà T còn nợ là 1.650.000.000 đồng theo các khoản vay, trong đó có các khoản thể hiện bằng giấy vay và giao dịch chuyển khoản; do bà T không tiếp tục thanh toán từ tháng 10/2023 nên ông khởi kiện yêu cầu trả toàn bộ số tiền này. Về lãi suất, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến ngày 08/4/2026, trong đó xác định lại nghĩa vụ thanh toán trên cơ sở đối trừ giữa tiền gốc và phần lãi đã thanh toán vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật, theo đó bà T thừa nhận còn nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Thanh S số tiền 733.349.844 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh S xác nhận đồng ý với nội dung trình bày của bị đơn về số tiền còn phải thanh toán nêu trên và không có yêu cầu nào khác. Như vậy, giữa các đương sự đã đạt được sự thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, nội dung thỏa thuận đã giải quyết triệt để quyền, nghĩa vụ của các bên trong quan hệ tranh chấp. Do đó, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

2.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Thanh S số tiền 733.349.844 đồng (bảy trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2 Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh S về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trả số tiền 916.650.156đ (chín trăm mười sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn một trăm năm mươi sáu đồng).

2.3 Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Huỳnh Thanh S phải chịu số tiền 39.499.504đ (ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn năm trăm lẻ bốn đồng) được trừ vào số tiền 30.750.000đ (ba mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001786 ngày 21/4/2025. Ông S còn phải nộp thêm số tiền 8.749.504đ (tám triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm lẻ bốn đồng).

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu số tiền 33.333.993đ (ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn chín trăm chín mươi ba đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T không phải chịu, trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0039539 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- TAND khu vực 15 - TPHCM;
- Phòng THADS khu vực 15 - TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự .(14).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Dũng